

Số: /GPMT-KKT Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường đối với dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong và các khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường đối với dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong và các khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 01/CV-VTGT ngày 04/11/2024 của Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật Tư Giao Thông về đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án Kho nhựa đường Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật Tư Giao Thông, địa chỉ tại số 02/201 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Kho nhựa đường Khánh Hòa tại Lô CN2, Khu công nghiệp Ninh Thủy,

phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Kho nhựa đường Khánh Hòa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN2, Khu công nghiệp Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0200401834 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 7 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 30 tháng 7 năm 2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 1607151715 do Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 5 năm 2021, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 5 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 0200401834.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: xây dựng, vận hành kho chứa nhựa đường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 11.012 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*); dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công suất:

+ Công suất kho chứa: 21.570 m<sup>3</sup>;

+ Công suất xuất hàng: 30.000 tấn nhựa đường/năm.

### **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật Tư Giao Thông (*Công ty*) có trách nhiệm:
  - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
  - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
  - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
  - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
  - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.
  - 2.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp đối với các thông tin, số liệu liên quan đến dự án đầu tư được nêu tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp phép.

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tham mưu nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Trưởng ban (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường Ninh Thủy;
- Công ty CP TM và XNK Vật Tư Giao Thông;
- Công ty CP Hoàn Cầu Vân Phong;
- Cổng Thông tin điện tử của Ban quản lý;
- Phòng QLDN, QLQHXD;
- Lưu: VT, QLTNMT, NKT, 12.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Lê Hồng Phương**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Ninh Thủy theo Văn bản số 240723/PLHĐKCN/HCVN được ký kết giữa Công ty CP Hoàn Cầu Vân Phong (Chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Ninh Thủy) và Công ty Cổ phần Thương Mại và Xuất nhập khẩu Vật Tư Giao Thông ngày 24/07/2023, nước thải không xả trực tiếp ra môi trường).

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên được thu gom vào đường ống PVC D125 về bể tự hoại 3 ngăn thiết kế chống thấm, kích thước 2,33 m<sup>3</sup> (1,66m x 1,2m x 1,17m) để xử lý sơ bộ. Sau đó chảy vào bể xử lý hợp khối kích thước 4,75 m<sup>3</sup> (3,6m x 1,1m x 1,2m) để tiếp tục xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải tập trung của KCN Ninh Thủy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Bể xử lý hợp khối (Ngăn lắng cặn → Ngăn lọc yếm khí → Ngăn sinh học hiếu khí → Ngăn lọc sinh học → Ngăn khử trùng) → Hồ ga đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải tập trung của KCN Ninh Thủy.

- Công suất thiết kế bể xử lý hợp khối: 4,75 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine (hoặc hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Khu công nghiệp Ninh Thủy).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

+ Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành thiết bị hợp khối theo đúng quy trình.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Khi nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải phát hiện hệ thống xử lý ngưng hoạt động hoặc hệ thống xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, dừng ngay việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước thải của KCN Ninh Thủy, khẩn trương thông báo cho cấp có thẩm quyền biết; đồng thời, tiến hành khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải sớm nhất.

+ Sau khi khắc phục xong sự cố, phải tiến hành xử lý lại lượng nước thải chưa đạt yêu cầu; nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN Ninh Thủy.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (*theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải; đầu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Ninh Thủy.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ Công ty đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN Ninh Thủy trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Ninh Thủy.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý nước thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc để ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,**  
**XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2024  
của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: lò gia nhiệt đốt dầu FO (công suất 1.500.000 kcal/giờ).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

Thông tin về dòng xả khí thải	Tọa độ vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108 <sup>o</sup> 15, múi chiều 3 <sup>o</sup> )	
	X (m)	Y (m)
Dòng khí thải số 01: tương ứng với ống khói lò gia nhiệt đốt dầu FO.	1382808	608871

- Địa chỉ: Lô CN2, Khu công nghiệp Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: 6.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: gián đoạn (thời gian tối đa 8 giờ/ngày.đêm).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B;  $K_p = 1,0$ ;  $K_v = 0,8$ ), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	400	06 tháng/lần (* )	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	680		
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	800		
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160		
5	Lưu lượng	mg/Nm <sup>3</sup>	-		

(\*): Tần suất quan trắc khí thải định kỳ được thực hiện theo cam kết của Chủ dự án.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: bụi, khí thải từ lò gia nhiệt đốt dầu FO được thu gom qua hệ thống xử lý để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Tháp hấp phụ → Ống khói → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 6.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất sử dụng: NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống thiết bị xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường và thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:

+ Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng hệ thống hoạt động bị quá tải.

+ Chuẩn bị các thiết bị, máy móc dự phòng thay thế ngay khi các thiết bị hư hỏng; đảm bảo không làm gián đoạn quá trình xử lý khí thải.

+ Định kỳ kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc để bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

+ Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải; giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng cho hệ thống xử lý khí thải.

- Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khi phát hiện hệ thống xử lý bụi, khí thải gặp sự cố, Công ty khẩn trương ngừng hoạt động sản xuất tại công đoạn phát sinh bụi, khí thải; tiến hành sửa chữa, khắc phục hệ thống xử lý kịp thời; chỉ hoạt động lại sau khi khắc phục xong sự cố, bảo đảm khí thải xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quy định trước khi thải ra môi trường.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng (từ ngày 01/7/2025 đến 01/8/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải của lò gia nhiệt đốt dầu FO: công suất thiết kế 6.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải sau xử lý; đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đến Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong và Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý bụi, khí thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc, vật liệu để ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải xảy ra sự cố.

3.6. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng phải sử dụng nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật; khí thải phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu trước khi thoát ra môi trường.

3.7. Bố trí điểm quan trắc bụi, khí thải sau xử lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.8. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ**  
**CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2024  
của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại khu vực lò gia nhiệt.
- Nguồn số 02: Tại khu vực hệ thống xử lý khí thải.
- Nguồn số 03: Tại khu vực máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn phát sinh	Tọa độ vị trí (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108 <sup>0</sup> 15, múi chiều 3 <sup>0</sup> )	
	X (m)	Y (m)
Nguồn số 01	1382805	608874
Nguồn số 02	1382806	608900
Nguồn số 03	1382775	608910

**3. Tiếng ồn, độ rung:** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 phần A Phụ lục này.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo động cơ hoạt động ổn định.
- Tăng cường việc trồng, bố trí cây xanh quanh khuôn viên của Công ty.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ**  
**SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2024  
của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	4
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	6
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	50
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	20
5	Chấp hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 02	30
7	Than hoạt tính thải (từ tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải, ngăn lọc của hệ thống xử lý nước thải)	02 11 02	60
8	Cặn thải từ quá trình hấp phụ của hệ thống xử lý khí thải	03 01 05	200
<b>Tổng cộng</b>			<b>420</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải bể tự hoại 3 ngăn và bể xử lý hợp khối	50
2	Bùn thải nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải	50
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là chất thải nguy hại) thải	50
4	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra không phải là chất thải nguy hại) thải	50

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
5	Thiết bị, linh kiện thải không nhiễm thành phần nguy hại (thiết bị, linh kiện, phụ tùng thải; lớp cao su thải sau quá trình bảo dưỡng, sửa chữa xe, phương tiện vận chuyển)	200
	<b>Tổng cộng</b>	<b>400</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	2,19
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2,19</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp 240 lít, thùng phuy 200 lít.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích: 04 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: có nền bê tông chống thấm, gờ chống tràn, tường tôn, kèo thép, mái tôn, có cửa ra vào; có dán nhãn, biển cảnh báo và các thiết bị ứng phó sự cố,... đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp 240 lít.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- 01 kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Diện tích: 02 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: có mái che, tường che chắn xung quanh kín, nền bê tông không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào,... đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa có dung tích 05 lít, 60 lít, 200 lít và 240 lít.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- 01 kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

+ Diện tích: 04 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: nền bê tông chống thấm, có vách bằng tôn rào xung quanh, mái ché, có cửa ra vào,...đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường khác đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí hợp lý các thiết bị để phân loại, thu gom các loại chất thải (*chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại*) phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

#### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định. Nội dung kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phải phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; tổ chức công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và phòng ngừa, ứng phó sự cố khác theo đúng quy định.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-KKT ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:** không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:** không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý toàn bộ lượng khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.
2. Đảm bảo việc phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Thực hiện công khai thông tin về giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND phường Ninh Thủy *(nơi thực hiện dự án)* theo quy định tại Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.
4. Tổ chức thực hiện việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; gửi kết quả báo cáo định kỳ về Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Ninh Hòa và Công ty CP Hoàn Cầu Vân Phong với thời hạn là trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.
5. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật.
6. Trường hợp các văn bản, quy định pháp luật áp dụng tại Giấy phép môi trường được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định pháp luật mới ban hành.